

Hướng dẫn cách điền mẫu đơn đăng ký chuyển tiền về Việt Nam của ngân hàng Quốc gia Philippines tại Tokyo

Thông tin về người gửi tiền:

Họ (Family name), Tên đệm (Middle name), Tên (First name)
Địa chỉ thường trú tại Nhật (Registered Address in Japan): Số bưu điện 〒□□□-□□□□, và địa chỉ (thành phố, quận, tên đường, số nhà, tên căn hộ, số phòng)
Số điện thoại (Tel. No.), số Fax (Fax No.), số điện thoại di động (Mobile phone), địa chỉ email của điện thoại di động (Mobile email) và địa chỉ email (Email Address)


Giấy tờ chứng minh nhân thân

Gửi kèm theo một (01) bản copy của một trong các giấy tờ tùy thân hợp lệ sau và đánh dấu chéo vào ô giấy tờ gửi kèm thích hợp:
 Thẻ đăng ký người nước ngoài còn hạn (Valid Alien Registration): Bản copy 2 mặt trước và sau
 Hộ chiếu còn hạn (Valid Passport): Copy trang có ảnh/chữ ký/ visa, kèm theo giấy tờ chứng minh địa chỉ (hóa đơn tiền điện, tiền ga, tiền nước hoặc tiền điện thoại ...)

Quốc tịch (Nationality): Đánh dấu chéo vào ô Việt Nam hoặc Others và điền quốc tịch
Nghề nghiệp (Occupation): Ghi nghề nghiệp hoặc đánh dấu chéo vào ô other và điền Trainee nếu là tu nghiệp sinh hoặc thực tập sinh.
Ngày sinh (Date of Birth): điền ngày sinh theo thứ tự tháng/ngày/năm bao gồm 2 ký tự

Số tiền cần gửi (Funds of remittance) ghi rõ số tiền muốn gửi.
 Phí chuyển tiền (Handling fee) là chi phí phải trả cho ngân hàng PNB Tokyo branch để thực hiện dịch vụ chuyển tiền về Việt Nam.
 Xin tham khảo bảng phí chuyển tiền về Việt Nam của ngân hàng
 Phí chuyển tiền không bao gồm phí chuyển tiền trong nước Nhật (từ bưu cục gửi đến Ngân hàng) Xin vui lòng tham khảo chi phí chuyển tiền trong nước tại bưu cục khi làm thủ tục

Mục đích chuyển tiền (Purpose of Remittance): đánh dấu chéo tương ứng với mục đích chuyển tiền:
 Hỗ trợ gia đình (Family Support)
 Tiết kiệm (Savings)
Quan hệ với người thụ hưởng: ghi vào quan hệ giữa người gửi và người nhận
 Ví dụ: nếu người nhận là Vợ thì ghi Wife, mẹ thì ghi Mother, bố thì ghi Father, anh, em trai thì ghi Brother, chị em gái thì ghi Sister


REMITTANCE MEMBERSHIP REGISTRATION and/or APPLICATION FOR REMITTANCE WITH DECLARATION
 外国送金事前登録 / 送金依頼書兼告知書 VIETNAM
 RAN ĐĂNG KÍ DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN

I hereby authorize Philippine National Bank Tokyo Branch to register my personal information and, upon actual receipt of funds, to implement my remittances to the specific beneficiary registered. I hereby declare the required items pursuant to Article 3 of the "Law on Reporting Requirements on Cross Border Payments and Receipts for the Tax Law compliance" as follows.
 私はフィリピン・ナショナル・バンク東京支店に私の個人情報と登録し、資金受領の度に海外送金を実行することを依頼します。内国税の適正な課税の確保を図るための国際送金等に係る調査の提出等に関する法律第3条の規定により下記の通り告知します。

First time Remitter 新規 Khách hàng mới	Additional Beneficiary 受取人の追加 Chuyển tiền cho người nhận mới	REMITTER MEMBER NUMBER (for existing remitter)
Existing Remitter 既存送金人 Khách hàng thường xuyên	Amendments 訂正 Chỉnh sửa	T

注意事項: ご依頼人も含め、全てローマ字または数字で記入してください。お客様も必ずお申し込みください。お客様も必ずお申し込みください。お客様も必ずお申し込みください。

Remitter's Information - 送金人情報・Thông tin của người gửi

Name of Remitter 送金人氏名 Họ và tên người gửi	Family Name - 姓 Họ TRAN	Middle Name (ミドルネーム) Tên đệm Van	First Name - 名 Tên AN
Address in Japan 現住所 Địa chỉ tại Nhật	〒 1 0 5 - 0 0 0 1 5 F FUKIDE BUILDING, 4-1-13 TORANOMON, MINATOKU, TOKYO		
Mobile / Tel. No. 携帯又は電話番号 090-1234-5678	E-MAIL Address eメールアドレス abc@yahoo.com		

Type of Identification 身分証明書 - Please submit copy of one of IDs below - 下記の身分証明書のコピーをどれかひとつ提出して下さい。

FOR VIETNAMESE <input checked="" type="checkbox"/> Valid Alien Registration Card (both sides) - 外国人登録証明書 (両面) Thẻ đăng kí người nước ngoài (bản copy cả 2 mặt) <input checked="" type="checkbox"/> Valid Passport (pages with photo/signature, visa page) and address proof パスポート (名前、生年月日、ビザのページ) 及び住所を証明する公共料金の領収書等 Hộ chiếu (trang có ảnh/chữ ký, trang có visa và trang có địa chỉ tại Nhật Bản)	Nationality 国籍 <input checked="" type="checkbox"/> Vietnamese <input type="checkbox"/> Other
FOR JAPANESE <input type="checkbox"/> Valid Japanese Driver's License (both sides) - 日本の運転免許証 (両面) <input type="checkbox"/> Valid Health Insurance (name/address/birth day pages) - 健康保険証 (名前/住所/生年月日) <input type="checkbox"/> Other documents, please specify その他証明書類 - ご記入下さい	Occupation 職業 <input checked="" type="checkbox"/> Other <input type="checkbox"/> Trainee - 会社員・Tu nghiệp sinh <input type="checkbox"/> Engineer - エンジニア・ Kỹ sư <input type="checkbox"/> Others その他

Beneficiary's Information - 受取人情報・Thông tin của người nhận

Name of Beneficiary 受取人氏名 Họ và tên người nhận	Family Name - 姓 Họ TRAN	Middle Name (ミドルネーム) Tên đệm Thi	First Name - 名 Tên HOA
Beneficiary's Address 受取人住所 Địa chỉ người nhận	123 NGUYEN DU, PHUONG 1, QUAN 2, TP. HO CHI MINH		
Bank and Branch Location 受取人取引銀行・支店名 Tên ngân hàng	Branch - 支店・Tên chi nhánh BEN THANH, TP HO CHI MINH		

Remittance method - 下記の送金方法をどれかひとつ選択して下さい。Chon 1 trong 2 cách chuyển tiền sau:

<input checked="" type="checkbox"/> Credit to account - 口座入金 Chuyển vào tài khoản người nhận Account Number 受取人口座番号 Số tài khoản 111-222-333-456789	Currency of the account 受取人口座通貨 Loại tài khoản <input checked="" type="checkbox"/> Vietnamese Dong <input type="checkbox"/> US Dollar <input type="checkbox"/> Other currency
<input type="checkbox"/> Advise & Pay - 通知後支払 Nhận tiền tại quầy của Ngân hàng ID Number Số chứng minh nhân dân	Issue Date Ngày cấp Issue Place Nơi cấp

(A) Funds for remittance Số tiền gửi - 送金金額 ¥ 100,000 -	Purpose of Remittance - 送金目的・Mục đích chuyển tiền <input checked="" type="checkbox"/> Family Support - 家族送金・Hỗ trợ gia đình Relationship to the Beneficiary 受取人との関係 Quan hệ với người nhận: MOTHER
(B) Remittance fee Phí gửi tiền - 取扱手数料 ¥ 2,000 -	
(C) Total - 必要円貨総額 Tổng số tiền (C=A+B) ¥ 102,000 -	

Please tick if you want to register to either Postal Link or Virtual Access using Beneficiary details stated above. Submit this form together with the Consent to the Terms and Conditions attached. 上記受取人情報に基づき「メール・アクセス」がある場合は「ポストリンク」の申込みをご希望の場合はチェックマークをお入れ下さい。登録申込書と一緒に提出してください。
 Nếu bạn muốn đăng ký dịch vụ Postal Link hay Virtual Access, xin hãy đánh dấu vào ô kế bên.

Bạn thiết dịch vụ chuyển tiền của PNB Japan qua: (1) Visa website (2) Visa website (3) Tên ngân hàng gửi bạn đi Việt Nam (4) Phương tiện khác
 Nếu bạn là tu nghiệp sinh, xin điền thông tin sau: (1) Tên ngân hàng gửi bạn đi Việt Nam (2) Tên nghiệp đoàn nhận bạn tại Nhật FUJI

I certify the information written above is true and hereby confirm that the General Provisions and Privacy Policy and Customer Data Protection stated on the back page hereof will govern all remittances I undertake through Philippine National Bank Tokyo Branch.
 Tôi xác nhận các thông tin trên được cung cấp đúng sự thật, chính xác và đồng ý với các điều khoản về dịch vụ chuyển tiền và các chính sách bảo mật thông tin của ngân hàng PNB Japan được ghi tại mặt sau của bản đăng ký này.

Date 日付 Ngày nộp đơn 20/11/2009	Remitter's Signature 署名 Ký tên TRAN VAN AN
------------------------------------	---

BANK USE ONLY 銀行使用欄

ID # Number	ID Issuing date MM DD YY	ID Expiry MM DD YY	1st checker of ID	2nd checker of ID	Over 1.0 million Approved by
Received by / Date	Registration Approved by	IDs Encoded by			

Thông tin về người nhận tiền (người thụ hưởng): Họ (Family name), Tên đệm (Middle name), Tên (First name)

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam (Beneficiary's Address): Ghi rõ địa chỉ người nhận (tỉnh, thành phố, xã, quận huyện, tên đường, số nhà, tên căn hộ, số phòng...)
Số điện thoại (Tel. No.) liên lạc; ghi rõ mã số vùng nếu là điện thoại cố định, hoặc số Fax (Fax No.), số điện thoại di động (Mobile phone), và địa chỉ email (Email Address)

Ghi rõ: Tên ngân hàng (Bank) và chi nhánh (Branch name)

Nếu người nhận có tài khoản: Đánh dấu vào ô Credit (Chuyển vào tài khoản người nhận), và ghi rõ số Số tài khoản (Account number): là số tài khoản của người nhận tại ngân hàng, Loại tài khoản (Currency of the account): Đánh dấu vào, Vietnamese Dong nếu là tài khoản VN đồng, US Dollar nếu tài khoản của người nhận là tài khoản đô la Mỹ hoặc muốn nhận tiền gửi bằng đồng đô la Mỹ.

Nếu người nhận không có tài khoản: Đánh dấu vào ô Advise and Pay (Nhận tiền tại quầy) và ghi rõ số chứng minh nhân dân (CMND), Ngày cấp, nơi cấp CMND.

Ghi chú: Người nhận ở Việt Nam nếu không có tài khoản tại ngân hàng có thể nhận tiền trực tiếp tại quầy thủ tục của NH Nông nghiệp & Phát triển nông thôn VN (AgriBank), NH Đầu tư & Phát triển Việt nam (BIDV), NH Ngoại thương VN (VietcomBank), NH Công thương VN (VietinBank), NH TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), NH Hongkong Thượng Hải (HSBC)

Các bước thực hiện

- Điền đầy đủ vào đơn yêu cầu chuyển tiền
- Ký vào đơn kèm theo ngày tháng
- Gửi kèm với một bản (01) copy của giấy tờ tùy thân còn hạn
- Bỏ vào phong bì đơn đã điền đầy đủ thông tin, bản copy của giấy tờ tùy thân, số tiền cần gửi, phí chuyển tiền về Việt Nam
- Điền họ và tên, địa chỉ, điện thoại liên lạc của người gửi vào phong bì chuyển tiền
- Mang phong bì đến bưu cục gần nhất, yêu cầu gửi chuyển phong bì bằng thư bảo đảm đến ngân hàng
- Trả phí chuyển tiền trong nước Nhật tại bưu cục
- Nhận biên lai từ bưu điện và lưu giữ cẩn thận để đối chiếu sau này.



BẢNG LỆ PHÍ NHẬN VÀ RÚT TIỀN KIỀU HỒI TẠI CÁC NGÂN HÀNG VIỆT NAM

Tên Ngân hàng	Phí nhận tiền kiều hối	Phí rút tiền mặt theo loại tiền tệ (*)		
		Đồng Việt Nam	Đồng Đôla Mỹ	Đồng Yên Nhật
ACB	0,05% trên tổng giá trị số tiền nhận(*2) ● Tối thiểu 2 USD	Miễn phí	0,15% trên tổng giá trị số tiền rút ra ● Tối thiểu 2 USD	Không có dịch vụ
AGRIBANK	0,05% trên tổng giá trị số tiền nhận(*2) ● Tối thiểu 2 USD	Miễn phí	0,15% trên tổng giá trị số tiền rút ra ● Tối thiểu 2 USD	0,4% trên tổng giá trị số tiền rút ra ● Tối thiểu 2 USD
BIDV	0,05% trên giá trị số tiền nhận ● Tối thiểu 2USD	0~0.1% trên tổng giá trị số tiền rút ra	0,10% trên tổng giá trị số tiền rút ra ● Tối thiểu 2USD	0,15% trên tổng giá trị số tiền rút ra ● Tối thiểu 2USD
VIETCOMBANK	0,05% trên tổng giá trị số tiền nhận ● Tối thiểu 2USD ● Tối đa 100USD	Miễn phí	0,15% trên tổng giá trị số tiền nếu rút trong 10 ngày kể từ ngày thông báo nhận tiền ● Tối thiểu 2USD	0,40% trên tổng giá trị số tiền nếu rút trong 30 ngày kể từ ngày thông báo nhận tiền ● Tối thiểu 3 USD
			Miễn phí nếu rút sau 10 ngày kể từ ngày thông báo nhận tiền	Miễn phí nếu rút sau 30 ngày kể từ ngày thông báo nhận tiền
VIETINBANK	0,05% tổng giá trị số tiền nhận ● Tối thiểu 2USD	Miễn phí	0,15% trên tổng giá trị số tiền nếu rút trong 15 ngày kể từ ngày thông báo nhận tiền ● Tối thiểu 2 USD	0,15% trên tổng giá trị số tiền nếu rút trong 15 ngày kể từ ngày thông báo nhận tiền ● Tối thiểu 2 USD
			Miễn phí nếu rút sau 15 ngày kể từ ngày thông báo nhận tiền	Miễn phí nếu rút sau 15 ngày kể từ ngày thông báo nhận tiền
SACOMBANK	0,05% tổng giá trị số tiền nhận ● Tối thiểu 2 USD	* Rút tiền từ tài khoản SACOMBANK: ● Người thực hiện là chủ TK: 0,02% (tối thiểu 10,000 VND) ● Người thực hiện khác chủ TK: 0,03% (tối thiểu 15,000 VND) * Nhận tiền bằng CMND: 0,10% tổng giá trị số tiền rút ra ● Tối thiểu 5 USD	* Rút tiền từ tài khoản SACOMBANK: 0,15 % ● Tối thiểu 2 USD * Nhận tiền bằng CMND: 0,30% tổng giá trị số tiền nhận ● Tối thiểu 5 USD	Không có dịch vụ
HSBC(*3)	0,605% tổng giá trị số tiền nhận ● Tối thiểu 198.000 VND ● Tối đa 11.550.000 VND	Miễn phí	Miễn phí	Không có dịch vụ

Lưu ý:

- Phí nhận tiền này do người nhận tại Việt Nam trả cho ngân hàng Việt Nam khi nhận tiền.
- Bảng lệ phí này được áp dụng từ ngày 8/4/2009
- Bảng lệ phí này có thể thay đổi mà không thông báo trước.

(*) Phí nhận tiền bao gồm "Phí nhận tiền kiều hối" từ nước ngoài và "Phí rút tiền mặt theo loại tiền tệ" (VND, USD, JPY).

(*2) Tùy theo từng địa bàn mà Giám đốc chi nhánh của ngân hàng AGRIBANK xác định mức phí nhưng không vượt quá 0.01%-0.05%

(*3) Ngoài ngân hàng HSBC, các lệ phí trên chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng VAT.